TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 445/2023/DS-PT
Ngày: 04-12-2023
"V/v: tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Tâm;

Các Thẩm phán: ông Phạm Văn Diệp; bà Phạm Thị Hồng Vân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Đặng Minh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Khánh Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2023/TLPT-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023, về việc "Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 378/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Phan Châu L, sinh năm 1963, địa chỉ: ấp B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông L: chị Trương Thị P, sinh năm 1992, địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. *(theo Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2022)*; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: ông Phan Văn Q, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Võ Quốc T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

3. Người kháng cáo: ông Phan Văn Q – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (ông Phan Châu L) chị Trương Thị P trình bày:

Vào khoảng 11 giờ ngày 22/3/2021, ông Phan Văn Q có đốt lá cao su bên rẫy nhà ông Q nhưng không quan sát và làm chủ được ngọn lửa nên đã làm cháy lan các rẫy cao su của các hộ dân xung quanh (hộ ông Phan Thành L1, bà Phan Thị H) và rẫy cao su của ông Phan Châu L. Ông L biết sự việc xảy ra ông Q không cố ý nên đã gặp ông Q để thương lượng giải quyết nhưng ông Q không đồng ý bồi thường. Bà H, ông L1 cũng có khởi kiện ông Q. Tuy nhiên, do trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ông L1, bà H đã chuyển nhượng đất và cao su cho ông Phạm Văn K, bà Lê Thị Q1 nên ông L1 và bà H đã rút yêu cầu khởi kiện. Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2022, ông L yêu cầu ông Q và vợ ông Q bồi thường số tiền là 91.500.000 đồng, ông L đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Q bồi thường số tiền là 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

Bị đơn ông Phan Văn Q thể hiện lời trình bày:

Vào ngày tháng nào của năm 2021 ông không nhớ, vào lúc 08 giờ ông có đến rẫy cao su của ông quét lá cao su đốt, khi lửa cháy hết ông đã dập lửa xong mới ra về. Sau đó ông nghe nói rẫy cao su của ông L, ông L1, bà H bị cháy, Trưởng ấp B có yêu cầu ông đến gặp ông L để nói chuyện, ông có đến nhà ông L nói chuyện nhưng ông L yêu cầu ông bồi thường 30.000.000 đồng nên ông bỏ về.

Nay ông không đồng ý bồi thường theo yêu cầu khởi kiện của ông L, với lý do ông không đốt cao su của ông L.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; các điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Châu L tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm đối với ông Phan Văn Q.

Buộc ông Phan Văn Q có nghĩa vụ phải bồi thường cho ông Phan Châu L số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 04/8/2023, bị đơn Phan Văn Q kháng cáo không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do không có đốt rẫy cao su ông L.

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông Qui giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Phần tranh luận:

** Luật sư T trình bày:*

- Cấp sơ thẩm không căn cứ vào Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 để giải quyết bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

- Mặc dù có thiệt hại xảy ra nhưng phải có yếu tố lỗi, trong việc này pháp luật không cấm ông Qui đốt rác trên rẫy của mình. Ông Q có đốt lá từ 08 giờ sáng đã dập lửa xong, đến 10 giờ trưa thì lửa mới cháy cao su của ông L, nên không có mối quan hệ nhân quả, cấp sơ thẩm quy kết lỗi cho ông Q là thiếu cơ sở vững chắc.

- Người làm chứng là ông C khai không khách quan vì đứng cách xa ông Q 200 m nên không thể thấy rõ.

- Ông Q không có hành vi trái pháp luật, không xác định mối quan hệ nhân quả, công văn trả lời hướng gió của Đài khí tượng thuỷ văn không có căn cứ.

* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Q; sửa án sơ thẩm; bác yêu cầu khởi kiện của ông L.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của các đương sự, thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị Trương Thị P (đại diện nguyên đơn) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Toà án vẫn xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: ông L khởi kiện yêu cầu ông Q bồi thường thiệt hại số tiền 90.000.000 đồng do ông Qui đốt rác trên đất ông Q gây cháy lan qua đất ông L làm thiệt hại cây cao su. Ông Q thừa nhận có đốt rác nhưng không gây thiệt hại đến cây cao su của ông L không đồng ý bồi thường.

[3] Xét kháng cáo của ông Q thấy rằng:

Ngày 22/3/2021, có xảy ra vụ cháy cây cao su của ông L, bà H, ông L1 tại khu vực ấp B, xã Đ, thị xã T, những người này có đất trồng cây cao su giáp ranh với đất ông Q. Trong quá trình giải quyết, ông Q thừa nhận có đốt rác trên đất của ông nhưng không gây thiệt hại đến vườn cây cao su của ông L. Lời trình bày của ông Q là không có căn cứ, bởi lẽ kết quả xác minh ngày xảy ra vụ hoả hoạn

chỉ có một mình ông Qui đốt rác. Tại biên bản hòa giải ngày 18/12/2021 (Bút lục số 34) ông Q thừa nhận "*có đốt lá cây bên phần đất của ông Q, có dùng cây mua để dập lửa, lửa có cháy lan hay không thì ông không biết*", ông Q có đến nhà ông L1, ông L và bà H để thương lượng nhưng do ông L nói "*ruột và cây cao su bị cháy nên không thương lượng, mua phân bón lại*". Kết quả xác minh người làm chứng (Bút lục số 60) cũng xác định trực tiếp chứng kiến "*ông Q là người đốt lá cây cao su bên vườn cao su của ông Q, sau đó lửa cháy lan qua các vườn cao su lân cận, ông Q có nhổ cây để dập lửa nhưng không được nên bỏ về và đám cháy đã lan rộng*". Xét thấy, ông Q khi đốt rác gây cháy lan từ đất của ông Q sang đất vườn cao su của ông L1, bà H và vườn cao su của ông L, hành vi của ông Q đã vi phạm khoản 4 Điều 19 của Luật Phòng cháy, chữa cháy năm 2001 sửa đổi bổ sung năm 2013, ông Q là người có lỗi gây ra thiệt hại đối với 305 cây cao su của ông L (bị hư không khai thác mủ được nữa) với giá trị tài sản bị thiệt hại là 122.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông Q có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông L số tiền là 90.000.000 đồng theo yêu cầu của ông L là có căn cứ, phù hợp tại Điều 584 khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Ông L kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì khác nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chi phí tố tụng: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận nên ông Q có nghĩa vụ phải thanh toán lại số tiền trên cho ông L là phù hợp với quy định tại Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; có căn cứ chấp nhận.

[6] Án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Q phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn Q;

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ khoản 4 Điều 19 của Luật Phòng cháy, chữa cháy năm 2001 sửa đổi bổ sung năm 2013, Điều 584 khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Châu L tranh chấp bồi

thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm đối với ông Phan Văn Q.

Buộc ông Phan Văn Q có nghĩa vụ phải bồi thường cho ông Phan Châu L số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Văn Q phải chịu số tiền 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Ông Phan Châu L không phải chịu án phí. Hoàn trả ông L số tiền 2.287.500 (hai triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026604 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

3. Chi phí tố tụng (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản): ông Phan Văn Q có nghĩa vụ phải thanh toán lại cho ông Phan Châu L số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Phan Văn Q phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0027441 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; ghi nhận ông Q đã nộp đủ án phí.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án..

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TPHCM;
- VKSNDCC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TX Trảng Bàng;
- CCTHADS TX Trảng Bàng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tâm